

**CÔNG TY CỔ PHẦN MHC**

\*\*\*\*\*

Số: 69/2021/MHC

V/v: "Báo cáo tài chính Quý I/2021  
- Công ty mẹ và CV giải trình"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**  
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần MHC

Mã chứng khoán: MHC

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0243.5770810

Fax: 0243.5770814

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Huy Quảng

Địa chỉ: Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024 35770810

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ:

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính Quý I/2021 – Công ty mẹ và Công văn giải trình.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/04/2021 tại đường dẫn [www.mhc.vn](http://www.mhc.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC Quý I/2021 – Công ty mẹ;
- Công văn giải trình số 67/2021/MHC.

**Người đại diện theo pháp luật/  
Người được ủy quyền công bố thông tin**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*Nguyễn Huy Quảng*

**CÔNG TY CỔ PHẦN MHC**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ I – 2021**

*Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2021*

Đơn vị báo cáo: Cty Cổ phần MHC

Mẫu số B 01a - DN

Địa chỉ: Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC

Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 Tháng 03 Năm 2021

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>401,286,763,826</b>	<b>271,883,897,096</b>
<b>I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>	<b>110</b>		<b>95,135,948,228</b>	<b>6,524,157,592</b>
1. Tiền	111		95,135,948,228	6,524,157,592
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
<b>II. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN</b>	<b>120</b>		<b>159,922,534,536</b>	<b>131,704,240,526</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		163,514,122,979	139,902,282,170
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(3,591,588,443)	(8,198,041,644)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
<b>III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN</b>	<b>130</b>		<b>145,126,186,031</b>	<b>132,765,486,412</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		347,722,843	4,863,905,862
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		64,936,306,995	54,199,601,462
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		1,200,000,000	0
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		78,701,226,193	78,277,232,107
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(59,070,000)	(4,575,253,019)
<b>IV. HÀNG TỒN KHO</b>	<b>140</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Hàng tồn kho	141		0	0
<b>V. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>150</b>		<b>1,102,095,031</b>	<b>890,012,566</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		528,022,878	315,940,413
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		574,072,153	574,072,153
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>303,212,453,394</b>	<b>296,148,691,352</b>
<b>I. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN</b>	<b>210</b>		<b>16,309,253,046</b>	<b>14,673,828,756</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		16,309,253,046	14,673,828,756
<b>II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>	<b>220</b>		<b>406,145,650</b>	<b>329,337,589</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		406,145,650	329,337,589
- Nguyên giá	222		1,313,141,963	1,194,534,463
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(906,996,313)	(865,196,874)
2. Tài sản cố định vô hình	227		0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	0
<b>III. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ</b>	<b>230</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		0	0
<b>IV. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN</b>	<b>250</b>		<b>286,497,054,698</b>	<b>281,145,525,007</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		278,340,000,000	278,340,000,000
2. Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	252		4,437,000,000	4,437,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10,950,000,000	10,950,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7,229,945,302)	(12,581,474,993)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
<b>V. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC</b>	<b>260</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		0	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>704,499,217,220</b>	<b>568,032,588,448</b>



NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỶ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	4
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>116,799,501,393</b>	<b>49,030,189,967</b>
<b>I. NỢ NGẮN HẠN</b>	<b>310</b>		<b>79,799,501,393</b>	<b>12,030,189,967</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		3,924,292,055	3,978,647,690
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		0	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		17,164,714,516	1,025,637,218
4. Phải trả người lao động	314		823,035,455	980,090,599
5. Chi phí phải trả	315		590,177,458	592,995,641
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		3,055,783,726	3,048,221,721
8. Vay ngắn hạn	320		52,001,184,085	0
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2,240,314,098	2,404,597,098
<b>II. NỢ DÀI HẠN</b>	<b>330</b>		<b>37,000,000,000</b>	<b>37,000,000,000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		37,000,000,000	37,000,000,000
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>587,699,715,827</b>	<b>519,002,398,481</b>
<b>I. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>410</b>		<b>587,699,715,827</b>	<b>519,002,398,481</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		414,069,640,000	414,069,640,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		414,069,640,000	414,069,640,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28,614,580,000	28,614,580,000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(1,200,000)	(1,200,000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		8,712,225,710	8,712,225,710
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		136,304,470,117	67,607,152,771
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		67,607,152,771	66,428,578,578
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		68,697,317,346	1,178,574,193
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b><u>704,499,217,220</u></b>	<b><u>568,032,588,448</u></b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Lan Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Huy Quảng

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2021



CHỦ TỊCH HĐQT



Phạm Bá Huy

Đơn vị báo cáo: Công ty Cổ phần MHC

Địa chỉ: Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,

Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Mẫu số B 02a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I Năm 2021

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>0</b>	<b>1,261,678,214</b>	<b>0</b>	<b>1,261,678,214</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV (10=01-02)	10		0	1,261,678,214	0	1,261,678,214
4. Giá vốn hàng bán	11		0	1,152,117,705	0	1,152,117,705
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>0</b>	<b>109,560,509</b>	<b>0</b>	<b>109,560,509</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		83,389,966,031	2,883,341,756	83,389,966,031	2,883,341,756
7. Chi phí tài chính	22		(477,293,224)	107,966,354,598	(477,293,224)	107,966,354,598
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		417,052,600	5,002,980,541	417,052,600	5,002,980,541
8. Chi phí bán hàng	25		0	0	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		(890,338,047)	1,080,663,983	(890,338,047)	1,080,663,983
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30= 20+ (21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>84,757,597,302</b>	<b>(106,054,116,316)</b>	<b>84,757,597,302</b>	<b>(106,054,116,316)</b>
11. Thu nhập khác	31		1,099,049,380	0	1,099,049,380	0
12. Chi phí khác	32		0	190,350,000	0	190,350,000
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1,099,049,380	(190,350,000)	1,099,049,380	(190,350,000)
<b>14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>85,856,646,682</b>	<b>(106,244,466,316)</b>	<b>85,856,646,682</b>	<b>(106,244,466,316)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		17,159,329,336	0	17,159,329,336	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>68,697,317,346</b>	<b>(106,244,466,316)</b>	<b>68,697,317,346</b>	<b>(106,244,466,316)</b>

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Lan Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Huy Quảng

CHỦ TỊCH HĐQT



Phạm Bá Huy

Đơn vị báo cáo: Công ty Cổ phần MHC  
 Địa chỉ: Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
 Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Mẫu số B 03a - DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

QUÝ I NĂM 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Diễn giải	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>85,856,646,682</b>	<b>(106,244,466,316)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
-Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	02		41,799,439	419,014,926
-Các khoản dự phòng	03		(14,474,165,911)	79,885,713,413
-(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(54,093,525)	22,466,516
-(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(512,451,736)	(2,883,341,756)
-Chi phí lãi vay	06		417,052,600	5,002,980,541
-Các khoản điều chỉnh khác	07			
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>71,274,787,549</b>	<b>(23,797,632,676)</b>
(Tăng) / giảm các khoản phải thu	09		3,207,046,564	(86,991,585,440)
(Tăng) / giảm hàng tồn kho	10		0	0
Tăng / (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(279,676,154)	(587,668,336)
(Tăng) / giảm chi phí trả trước	12		0	15,239,940
(Tăng) / giảm chứng khoán kinh doanh	13		(23,611,840,809)	63,510,093,133
Tiền lãi vay đã trả	14		(417,052,600)	(1,629,422,842)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(947,242,841)	(5,060,068,074)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		0	0
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(164,283,000)	(115,204,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>49,061,738,709</b>	<b>(54,656,248,295)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(12,311,130,048)	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(38,000,000,000)	(1,762,328,767)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		37,800,000,000	65,762,328,767
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	(950,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		60,000,000	2,360,798,766
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(12,451,130,048)</b>	<b>65,410,798,766</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			0

Diễn giải	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	
3. Tiền thu từ đi vay	33		267,342,249,179	268,879,481,456
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(215,341,065,094)	(281,772,603,770)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		<b>52,001,184,085</b>	<b>(12,893,122,314)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>88,611,792,746</b>	<b>(2,138,571,843)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>6,524,157,592</b>	<b>3,345,628,697</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		(2,110)	45,378
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>95,135,948,228</b>	<b>1,207,102,232</b>

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT






Lê Thị Lan Hương

Nguyễn Huy Quảng

Phạm Bá Huy

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MHC**

Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam.

# **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2021**

## **I. Đơn vị báo cáo**

### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần MHC (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

### **2. Lĩnh vực kinh doanh, ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ giao nhận kho vận tải hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa và container;
- Khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Buôn bán, sản xuất tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; đại lý hàng hải;
- Lai dắt tàu biển;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- Vận tải đường thủy; và
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

### **3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh, thông thường của Công ty là 12 tháng.

### **4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, Công ty có 3 công ty con và 2 công ty liên doanh, liên kết.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, Công ty có 19 nhân viên (1/1/2021: 15 nhân viên).

## **II. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **2. Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.



### III. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng

#### 1. Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty

#### 2. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng quý 1 năm 2021 trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Ngoại tệ

##### *Các giao dịch bằng ngoại tệ*

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao (có kỳ hạn dưới 3 tháng), có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



## **7. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao Bất động sản đầu tư tòa nhà cho thuê được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trên thời gian hữu dụng ước tính trong 25 năm.

## **8. Chi phí trả trước dài hạn**

### *Công cụ và dụng cụ*

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

## **9. Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

## **10. Vốn cổ phần**

### *Cổ phiếu phổ thông*

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

### *Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)*

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu.

## **11. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

## **12. Doanh thu và thu nhập khác**

### *Doanh thu*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

### ***Thu nhập tài chính***

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

### **13. Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

### **14. Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

## **V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

### **1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2021	01/01/2021
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	15,658,473	39,292,171
Tiền gửi ngân hàng	95,120,289,755	6,484,865,421
Các khoản tương đương tiền	-	-
	<b><u>95,135,948,228</u></b>	<b><u>6,524,157,592</u></b>

### **2. Các khoản đầu tư tài chính**

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
	VND	VND	VND	VND
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>				
+ Cổ phiếu của TCT CP Thiết Bị Điện VN	163,514,122,979	154,641,493,100	(3,591,588,443)	139,902,282,170
+ Cổ phiếu của Công ty CP phát triển hạ tầng kỹ thuật	36,822,709,837	38,360,911,400	-	31,026,432,619
+ Cổ phiếu của Công ty CP phát triển hạ tầng kỹ thuật	75,781,867,528	75,213,000,000	(568,867,528)	30,870,135,000
+ Giá trị Cổ phiếu khác	24,010,575,879	41,067,581,700	(3,022,720,915)	81,976,879,816
+ Trái phiếu Công ty CP mua bán nợ thế hệ mới	26,898,969,735			26,898,969,735
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
- Đầu tư vào Công ty con	293,727,000,000		(7,229,945,302)	293,727,000,000
+ Công ty TNHH Vận tải và DV Hàng Hải HP	278,340,000,000		(4,506,486,926)	278,340,000,000
+ Công ty cổ phần đầu tư MHC	15,000,000,000			15,000,000,000
+ Công ty cổ phần MHC Land	196,020,000,000			196,020,000,000
- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	67,320,000,000		(4,506,486,926)	67,320,000,000
+ Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam	4,437,000,000		(2,723,458,376)	4,437,000,000
+ Công ty CP Quản lý và Kinh doanh BDS Hà Nội	1,734,000,000		(517,569,661)	1,734,000,000
- Đầu tư dài hạn khác	2,703,000,000		(2,205,888,715)	2,703,000,000
+ Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10,950,000,000			10,950,000,000
+ Công ty CP Giải Trí và Truyền Thông MHC	10,000,000,000			10,000,000,000
	950,000,000			950,000,000
	<b>457,241,122,979</b>	<b>154,641,493,100</b>	<b>(10,821,533,745)</b>	<b>433,629,282,170</b>
				<b>161,765,193,050</b>
				<b>(8,198,041,644)</b>
				<b>(156,297,619)</b>
				<b>(8,041,744,025)</b>
				<b>(12,581,474,993)</b>
				<b>(9,422,482,727)</b>
				<b>(2,139,592,790)</b>
				<b>(7,282,889,937)</b>
				<b>(3,158,992,266)</b>
				<b>(953,103,551)</b>
				<b>(2,205,888,715)</b>
				<b>(20,779,516,637)</b>

### 3. Phải thu của khách hàng

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	347,722,843	4,863,905,862
-C.ty TNHH MTV - TCT Xây Dựng Lũng Lô	-	4,516,183,019
-Các khoản phải thu khách hàng khác	347,722,843	347,722,843
	<u>347,722,843</u>	<u>4,863,905,862</u>

### 4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
-Lãi trái phiếu	1,065,073,973	538,389,041
-Phải thu từ đặt cọc mua cổ phiếu, trái phiếu	59,000,000,000	60,000,000,000
-Phải thu khác	18,636,152,220	17,738,843,066
	<u>78,701,226,193</u>	<u>78,277,232,107</u>

### 5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ quá hạn		
▪ Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	-	4,516,183,019
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	59,070,000	59,070,000
	<u>59,070,000</u>	<u>4,575,253,019</u>

Các khoản nợ quá hạn của Công ty đều trên 3 năm và do đó cần trích dự phòng 100% theo quy định.

## 6. Phải thu dài hạn khác

	31/03/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Ký cược, ký quỹ, đặt cọc	16,309,253,046	14,673,828,756
	<u><u>16,309,253,046</u></u>	<u><u>14,673,828,756</u></u>

## 7. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2021	1,062,976,364	131,558,099	1,194,534,463
- Mua trong năm	-	118,607,500	118,607,500
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
31/03/2021	<u>1,062,976,364</u>	<u>250,165,599</u>	<u>1,313,141,963</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
01/01/2021	759,835,741	105,361,133	865,196,874
- Khấu hao trong kỳ	34,103,430	7,696,009	41,799,439
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
31/03/2021	<u>793,939,171</u>	<u>113,057,142</u>	<u>906,996,313</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2021	<u>303,140,623</u>	<u>26,196,966</u>	<u>329,337,589</u>
31/03/2021	<u>269,037,193</u>	<u>137,108,457</u>	<u>406,145,650</u>

## 8. Bất động sản đầu tư

	Năm 2021	Năm 2020
	Nhà cửa	Nhà cửa
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu	-	38,530,325,770
Thanh lý, nhượng bán	-	(38,530,325,770)
Số dư cuối	-	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu	-	14,293,549,343
Khấu hao trong kỳ	-	595,681,144
Thanh lý, nhượng bán	-	(14,889,230,487)
Số dư cuối	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu	-	24,236,776,427
Số dư cuối	-	-

## 9. Phải trả người bán

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	988,817,357	988,817,357
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Cửu Long	405,150,000	405,150,000
Các nhà cung cấp khác	2,530,324,698	2,584,680,333
	<b>3,924,292,055</b>	<b>3,978,647,690</b>



## 10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

### Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/03/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	78,394,377	64,097,436	(137,106,633)	5,385,180
Thuế TN Doanh nghiệp	947,242,841	17,159,329,336	(947,242,841)	17,159,329,336
Thuế môn bài	-	3,000,000	(3,000,000)	-
	<b>1,025,637,218</b>	<b>17,226,426,772</b>	<b>(1,087,349,474)</b>	<b>17,164,714,516</b>

### Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	01/01/2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/03/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	315,940,413	212,082,465	-	528,022,878
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	574,072,153	-	-	574,072,153
	<b>890,012,566</b>	<b>212,082,465</b>	<b>-</b>	<b>1,102,095,031</b>

**11. Chi phí phải trả**

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	-	-
Các khoản trích trước khác	590,177,458	592,995,641
	<u>590,177,458</u>	<u>592,995,641</u>

**12. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty CP Quản lý và Kinh doanh Bất Động Sản Hà Nội	1,503,000,000	1,503,000,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,552,783,726	1,545,221,721
	<u>3,055,783,726</u>	<u>3,048,221,721</u>

**13. Vay ngắn hạn**

	01/01/2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/03/2021
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	267,342,249,179	(215,341,065,094)	52,001,184,085
Vay dài hạn	37,000,000,000	-		37,000,000,000
	<u>37,000,000,000</u>	<u>267,342,249,179</u>	<u>(215,341,065,094)</u>	<u>89,001,184,085</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

	Loại tiền	31/03/2021	01/01/2021
		VND	VND
Công ty CP Chứng Khoán VIX	VND	51,971,788,217	-
Công ty TNHH Chứng Khoán Miraeasset (Việt Nam)	VND	29,395,868	-
		<b>52,001,184,085</b>	-

Chi tiết các khoản vay dài hạn:

	Loại tiền	31/03/2021	01/01/2021
		VND	VND
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	VND	37,000,000,000	37,000,000,000
		<b>37,000,000,000</b>	<b>37,000,000,000</b>

**14. Vốn chủ sở hữu**

	VND	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2021</b>	414,069,640,000	28,614,580,000	(1,200,000)	8,712,225,710	67,607,152,771	519,002,398,481
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ HĐQT						
- Trả cổ tức						
- Lợi nhuận thuần trong kỳ					68,697,317,346	68,697,317,346
<b>31/03/2021</b>	<b>414,069,640,000</b>	<b>28,614,580,000</b>	<b>(1,200,000)</b>	<b>8,712,225,710</b>	<b>136,304,470,117</b>	<b>587,699,715,827</b>

## 15. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/03/2021		01/01/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	41.406.964	414.069.640.000	41.406.964	414.069.640.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	120	1.200.000	120	1.200.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	41.406.844	414.068.440.000	41.406.844	414.068.440.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

## VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cho thuê văn phòng, kho bãi, cầu bến	-	1,261,678,214
	-	1,261,678,214

## 2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn cho thuê văn phòng, kho bãi, cầu bến	-	1,152,117,705
	<u>-</u>	<u>1,152,117,705</u>

## 3. Doanh thu tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	11,128,540	19,284,382
Lãi từ các khoản đầu tư tài chính, chứng khoán, khác	83,318,837,491	1,849,507,374
Cổ tức, lợi nhuận được chia	60,000,000	1,014,550,000
	<u>83,389,966,031</u>	<u>2,883,341,756</u>

## 4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	417,052,600	5,002,980,541
Lỗi chênh lệch tỷ giá	-	22,466,516
Dự phòng giảm giá, mua bán chứng khoán kinh doanh, đầu tư	(894,345,824)	102,940,907,541
Chi phí tài chính khác	-	-
	<u>(477,293,224)</u>	<u>107,966,354,598</u>

## 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	1,477,221,552	354,241,651
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,706,344,198	382,097,946
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(4,516,183,019)	-
Chi phí khác	442,279,222	344,324,386
	<u>(890,338,047)</u>	<u>1,080,663,983</u>

## 6. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trong năm 2021.

## 7. Những thông tin khác

### Giao dịch với các bên liên quan

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng</b>		
Nhận tiền gốc vay		-
Trả tiền gốc vay	-	-
Chi phí lãi vay	-	-
Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng	-	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư MHC</b>		
Nhận tiền gốc vay	-	-
Chuyển tiền gốc cho vay	-	-
Doanh thu lãi vay	-	-
<b>Ban Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	267,960,000	132,820,000
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Tiền lương và thưởng	93,000,000	93,000,000

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2021

Người lập:

Lê Thị Lan Hương  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Huy Quảng  
Kế toán trưởng

Phạm Bá Huy  
Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

\*\*\*\*\*

Số: 67/2021/MHC

V/v: "Giải trình BCTC Q1/2021 – Cty mẹ"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2021

**Kính gửi**: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần MHC (Mã chứng khoán MHC) giao dịch trên Sở GDCK TP.HCM, xin được giải trình kết quả kinh doanh trên BCTC Quý I/2021 của Công ty mẹ như sau:

**Kết quả kinh doanh Quý I/2021:**

- |  |                      |
|--|----------------------|
| - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Quý I/2021: | 0 VNĐ                |
| - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Quý I/2020: | 1.261.678.214 VNĐ    |
| - Lợi nhuận sau thuế Quý I/2021:                     | 68.697.317.346 VNĐ   |
| - Lợi nhuận sau thuế Quý I/2020:                     | -106.244.466.316 VNĐ |

**Giải trình kết quả kinh doanh Quý I/2021 của Công ty:**

Lợi nhuận Quý I/2021 tăng so với cùng kỳ năm ngoái là do:

- Doanh thu hoạt động tài chính Quý I/2021 tăng so với cùng kỳ năm trước. Nguồn doanh thu tăng chủ yếu do hoạt động đầu tư tài chính, kinh doanh chứng khoán đem lại.
- Chi phí tài hoạt động tài chính Quý I/2021 giảm khá nhiều so với Quý I/2020.

Trân trọng cảm ơn.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban KS;
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC



CHỦ TỊCH HĐQT  
*Phạm Bá Huy*